



## CÂN BẰNG TÍNH THẬN TRỌNG VÀ TÍNH PHÙ HỢP: ĐÒN BẦY THEN CHỐT ĐỊNH HÌNH HỆ THỐNG KẾ TOÁN VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP IFRS

• PGS.TS ĐƯỜNG NGUYỄN HƯNG\*

**B**ài viết phân tích mối quan hệ động giữa tính thận trọng và tính phù hợp - hai đặc tính cốt lõi định hình chất lượng thông tin kế toán trong bối cảnh Việt Nam chuẩn bị áp dụng bắt buộc Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) sau 2025. Dựa trên khung khái niệm IFRS và lý thuyết chi phí - lợi ích, chúng tôi xây dựng mô hình đường cong lợi ích ròng, trong đó, điểm cân bằng tối ưu là mức độ thận trọng đủ để giảm thiểu rủi ro sai sót mà không làm suy giảm tính kịp thời và hữu ích. Tổng hợp kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các thị trường phát triển thường ưu tiên tính phù hợp, trong khi những nền tảng pháp lý theo mô hình pháp luật thành văn chi tiết (code law) lại đề cao thận trọng. Ở Việt Nam, nghiên cứu thực trạng và khảo sát chuyên gia cho thấy hệ thống kế toán vẫn còn nghiêng nhiều về thận trọng, làm giảm khả năng dự báo và thu hút vốn. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất ba chính sách trọng tâm cho giai đoạn sau 2025: (1) Áp dụng khung chuẩn mực hai tầng (IFRS cho doanh nghiệp đại chúng, VFRS cho doanh nghiệp vừa và nhỏ); (2) thiết lập cơ chế phê chuẩn nội địa linh hoạt, cho phép điều chỉnh lộ trình đo lường theo giá trị hợp lý; (3) sử dụng cơ chế ổn định thuế - kiểm toán (tách bạch mục đích thuế và báo cáo tài chính, đồng thời tăng cường minh bạch thuyết minh ước tính và trách nhiệm kiểm toán). Những đề xuất này hướng đến một “điểm cân bằng mới” nơi thận trọng và phù hợp hỗ trợ lẫn nhau, góp phần nâng cao chất lượng thông tin, giảm chi phí vốn và thúc đẩy phát triển bền vững thị trường tài chính Việt Nam.

**Từ Khóa:** Tính thận trọng; Tính phù hợp; IFRS.

\*Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

## Balancing Prudence and Relevance: Key Levers Shaping Vietnam's Accounting System During IFRS Integration

This article analyzes the dynamic relationship between prudence and relevance - two core characteristics that define the quality of accounting information - in the context of Vietnam's preparation for the mandatory adoption of International Financial Reporting Standards (IFRS) after 2025. Based on the IFRS Conceptual Framework and cost-benefit theory, we develop a net benefit curve model. In this model, the optimal equilibrium point represents a level of prudence sufficient to minimize error risks without compromising timeliness and usefulness. A review of international experience indicates that developed markets often prioritize relevance, while legal frameworks based on detailed civil law (code law) emphasize prudence. In Vietnam, our analysis of the current situation and expert surveys reveal that the accounting system still leans heavily towards prudence, which reduces its predictive capability and attractiveness for capital investment. Building on these findings, the article proposes three key policy recommendations for the post-2025 period: (1) Implementing a two-tier standard framework: IFRS for public enterprises and Vietnam Financial Reporting Standards (VFRS) for small and medium-sized enterprises; (2) Establishing a flexible domestic endorsement mechanism: This would allow for adjustments to the fair value measurement roadmap; (3) Utilizing a tax-audit stabilization mechanism: This involves separating tax purposes from financial reporting, while simultaneously enhancing transparency in the disclosure of estimates and strengthening audit accountability. These proposals aim to achieve a "new equilibrium" where prudence and relevance are mutually supportive. This will contribute to improving information quality, reducing capital costs, and fostering the sustainable development of Vietnam's financial market.

**Keywords: Prudence, relevance, IFRS.**

### 1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập mạnh mẽ Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), hệ thống kế toán Việt Nam phải đối mặt với bài toán cân bằng giữa hai đặc tính then chốt: tính thận trọng (conservatism) và tính phù hợp của thông tin (relevance). Tính thận trọng, với trọng tâm là tránh rủi ro sai sót và giảm thiểu chi phí pháp lý, giúp đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của báo cáo tài chính. Trong khi đó, tính phù hợp tập trung vào việc cung cấp các thông tin phù hợp với nhu cầu ra quyết định của nhà đầu tư và các bên liên quan. Mối quan hệ đối kháng giữa hai yếu tố này tạo nên một áp lực cân bằng - tức sự căng thẳng cần điều chỉnh giữa mức độ thận trọng và tính phù hợp của thông tin - tác động sâu rộng đến cấu trúc và nội dung của tất cả các chuẩn mực kế toán, từ ghi nhận doanh thu, đánh giá dự phòng cho đến đo lường tài sản và thuyết minh.

Việc lựa chọn chủ đề cân bằng tính thận trọng - tính phù hợp không chỉ xuất phát từ yêu cầu kỹ

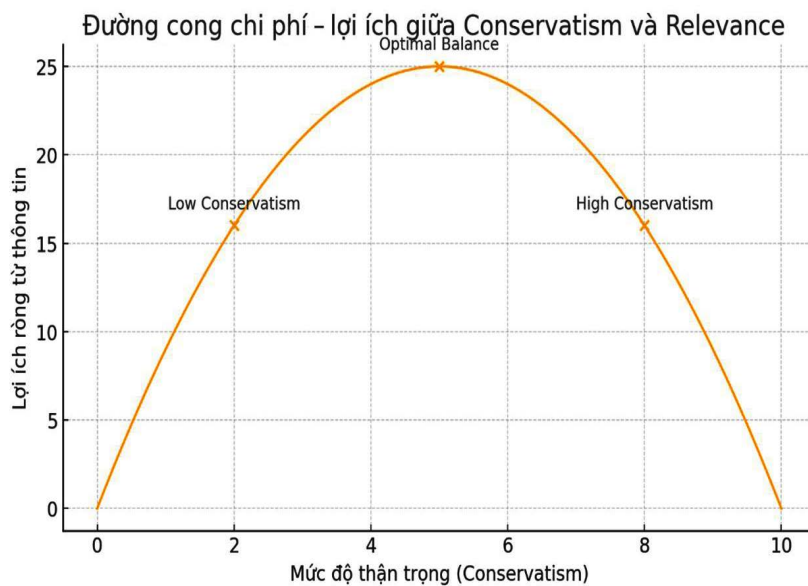
thuật của lộ trình IFRS [12] mà còn bắt nguồn từ khoảng trống nghiên cứu rõ ràng tại Việt Nam. Hầu hết công trình trong nước chỉ tập trung phân tích một trong hai khía cạnh bảo thủ hoặc hữu dụng thông tin, chưa có nghiên cứu tổng hợp để xác định “điểm cân bằng” tối ưu cho môi trường pháp lý và thị trường vốn đặc thù của Việt Nam. Đồng thời, điểm cân bằng này không chỉ là vấn đề học thuật mà còn mang tính chiến lược, bởi chất lượng thông tin tài chính quyết định chi phí vốn, sức cạnh tranh của doanh nghiệp và độ tin cậy của thị trường. Chính vì vậy, phân tích và đề xuất giải pháp tìm điểm cân bằng giữa tính thận trọng và tính phù hợp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả vận hành của hệ thống kế toán Việt Nam và hỗ trợ quá trình hội nhập tài chính quốc tế trong tương lai.

### 2. Điểm cân bằng Thận trọng - Phù hợp

Ở trọng tâm vấn đề, “điểm cân bằng” giữa tính thận trọng và tính phù hợp thể hiện mức độ thận trọng đủ để giảm thiểu rủi ro sai sót và tranh chấp

pháp lý, đồng thời không làm tổn hại đáng kể tính phù hợp của thông tin đối với người sử dụng báo cáo. Khi thận trọng vượt mức cần thiết, báo cáo tài chính dễ trở nên bảo thủ quá mức, dẫn đến trì hoãn ghi nhận thu nhập và làm sai lệch khả năng phản ánh chính xác giá trị kinh tế. Ngược lại, nếu nhấn mạnh hoàn toàn vào tính phù hợp, doanh nghiệp có thể bỏ qua những cảnh báo quan trọng về rủi ro tiềm ẩn, điều này làm tăng khả năng sai sót và tổn thất pháp lý.

Để hình dung, ta có thể tưởng tượng một đường cong chi phí - lợi ích nối giữa hai yếu tố: trực ngang thể hiện mức thận trọng, trực đứng là lợi ích ròng thu được từ thông tin (kết hợp giữa tính phù hợp và chi phí pháp lý). Điểm cực đại của đường cong chính là “điểm cân bằng tối ưu”, nơi lợi ích biên từ việc tăng tính phù hợp bắt đầu giảm dần so với chi phí biên của tính thận trọng.



(Nguồn: Tác giả)

Biểu đồ trên chỉ mang tính minh họa khái niệm (conceptual), nên đã đặt “Optimal Balance” ngay chính giữa để dễ hình dung đường cong chi phí - lợi ích có đỉnh. Trong thực tế, điểm cân bằng tối ưu rất có thể không nằm chính giữa mà lệch về phía bảo thủ hoặc kịp thời hơn, tùy vào:

1. *Môi trường pháp lý*: Nếu khung pháp luật yêu cầu bảo thủ cao (như chế độ thuế, kiểm toán

ng nghiêm ngặt), điểm tối ưu sẽ dịch chuyển sang bên phải (hơi nghiêng về tính thận trọng).

2. *Cơ cấu sở hữu và thị trường vốn*: Ở những thị trường nơi thông tin bất cân xứng cao, nhà đầu tư có thể đánh giá cao tính phù hợp hơn, khiến điểm tối ưu lệch về bên trái (giảm mức thận trọng hơn).

3. *Chi phí tuân thủ và rủi ro kiện tụng*: Chi phí tuân thủ IFRS, đào tạo, hệ thống công nghệ thông tin... càng lớn thì cần mức thận trọng ít nhất để bảo vệ doanh nghiệp, kéo điểm tối ưu sang phải.

Khái niệm này được củng cố trong Khung Khái niệm IFRS 2018 dưới thuật ngữ “prudence trung lập” (neutral prudence), nhấn mạnh sự cần thiết của việc áp dụng thận trọng nhưng không thiên lệch khiến báo cáo trở nên quá bảo thủ. Với Việt Nam, việc xác định điểm cân bằng đòi hỏi cân nhắc đặc thù pháp lý, cơ cấu sở hữu và trình độ phát triển thị trường vốn, nhằm đảm bảo mức độ thận trọng tương ứng với yêu cầu bảo vệ nhà đầu tư nhưng không làm giảm giá trị dự báo và tính minh bạch của thông tin.

Sau khi xác định khái niệm “điểm cân bằng” giữa tính thận trọng và tính phù hợp, bước tiếp theo là đối chiếu khái niệm này với các nền tảng lý thuyết đã hình thành trong nghiên cứu kế toán quốc tế. Cơ sở lý luận không chỉ giúp lý giải vì sao hai đặc tính có thể bổ trợ và đối kháng, mà còn gợi mở cách thức xác định vị trí cân bằng tối ưu đối với một bối cảnh thể chế cụ thể như Việt Nam.

Một trong những trụ cột đầu tiên là lý thuyết hợp đồng (agency & contracting). Theo Watts (2003) và Ball & Shivakumar (2005), thông tin bảo thủ giúp giảm bất cân xứng giữa nhà quản trị với chủ nợ và cổ đông thông qua việc ghi nhận lỗ kịp thời hơn lãi. Khi áp lực nợ và chi phí đại diện càng cao, doanh nghiệp càng thiên về thận trọng. Ngược lại, khi thị trường vốn mở rộng và quyền sở hữu phân tán, nhu cầu thông tin kịp thời để định giá càng lớn,

kéo yếu tố phù hợp lên hàng ưu tiên. Khía cạnh này được củng cố bởi kinh tế học thông tin (information economics). Barth, Beaver & Landsman (2001) lập luận rằng thông tin có giá trị sử dụng càng cao khi phản ánh nhanh chóng triển vọng dòng tiền, qua đó giảm chi phí vốn.

Song hành với góc nhìn hợp đồng là sự tương tác giữa trách nhiệm quản trị và định giá (stewardship - valuation). Khung báo cáo tài chính từ lâu đòi hỏi phục vụ đồng thời mục tiêu đánh giá trách nhiệm quản trị và mục tiêu xác định giá trị doanh nghiệp. Khía cạnh trách nhiệm quản trị thiên về độ tin cậy và bảo thủ, trong khi khía cạnh định giá nhấn mạnh tính kịp thời và phù hợp. Sự tồn tại song song của hai mục tiêu này buộc chuẩn mực liên tục điều chỉnh để cả hai đặc tính đều đạt mức chấp nhận được.

Yếu tố chi phí kiện tụng và chi phí chính trị tiếp tục củng cố vai trò của tính thận trọng. Basu (1997) chứng minh rằng, rủi ro pháp lý cao làm gia tăng tốc độ ghi nhận lỗ và trì hoãn ghi nhận lãi, như một cơ chế bảo vệ trước khả năng bị kiện vì báo cáo sai lệch. Tuy nhiên, chi phí tuân thủ quá lớn có thể làm thông tin mất tính kịp thời, gây phản tác dụng đối với quyết định đầu tư, qua đó nhấn mạnh tầm quan trọng của tính phù hợp.

Tinh thần dung hòa được phản ánh trong Khung Khái niệm IFRS 2018, khi IASB khôi phục thuật ngữ prudence nhưng gắn chặt với tính trung lập (neutrality). Sự thận trọng phải phục vụ trung thực và không được làm suy giảm tính phù hợp. Điều này ngầm thừa nhận sự tồn tại của một điểm cân bằng động, di chuyển theo rủi ro thị trường, kỳ vọng pháp lý và nhu cầu đánh giá của nhà đầu tư.

Dưới lăng kính phân tích chi phí - lợi ích (cost - benefit analysis), mức thận trọng mang lại lợi ích biên giảm dần trong khi chi phí biên tăng dần. Lợi ích biên ở đây chủ yếu đến từ việc nâng cao tính phù hợp và giảm sai sót trọng yếu, còn chi phí biên phát sinh từ khả năng kiện tụng, chi phí hệ thống và sự trì hoãn thông tin. “Điểm cân bằng”

xuất hiện tại giao điểm của hai đường chi phí - lợi ích và chính là đỉnh đường cong đã mô tả trong phần trước.

Đối với Việt Nam, đặc thù hệ thống pháp luật theo hướng code law, vai trò chi phối của Nhà nước và thị trường vốn còn non trẻ làm nghiêng cán cân về phía bảo thủ. Nhà nước vẫn cần một mức độ kiểm soát đáng kể để quản lý sự phát triển của doanh nghiệp cũng như của toàn bộ nền kinh tế. Sự can thiệp chính sách nhằm ổn định vĩ mô, kết hợp với trình độ phát triển còn đang hoàn thiện của các doanh nghiệp, thúc đẩy xu hướng tăng cường trích lập dự phòng, trì hoãn ghi nhận doanh thu và thẩm định giá thận trọng, từ đó gia tăng tính thận trọng (conservatism) trong hệ thống kế toán. Tuy vậy, áp lực hội nhập IFRS, nhu cầu minh bạch thông tin để thu hút vốn ngoại và quá trình chuyển đổi số đang kéo trục cân bằng về phía tính phù hợp, đòi hỏi một sự điều chỉnh tinh tế nhằm không làm suy yếu năng lực quản lý vĩ mô mà vẫn nâng cao chất lượng báo cáo cho nhà đầu tư.

### **3. Các yếu tố chi phối điểm cân bằng Thận trọng - Phù hợp**

Đây là các yếu tố cụ thể quyết định vị trí thực tế của điểm cân bằng đó trong hệ thống kế toán Việt Nam. Các lực đẩy này không vận hành đơn lẻ; chúng giao thoa và cùng định hình mức độ bảo thủ hoặc mức độ kịp thời và thích đáng của thông tin tài chính.

*Thứ nhất*, môi trường pháp lý - thuế đóng vai trò bản lề. Việt Nam áp dụng khung pháp luật theo mô hình code law, trong đó chế độ kế toán đồng thời phục vụ mục tiêu thống kê, giám sát thuế và ổn định vĩ mô. Sự hiện diện của các điều khoản thận trọng kép trong quy định trích lập dự phòng và khấu hao, cùng với yêu cầu đồng nhất báo cáo thuế và báo cáo tài chính, làm tăng xu hướng ghi nhận lỗ sớm hơn lãi, kéo cán cân về phía tính thận trọng. Tuy nhiên, kể từ khi Bộ Tài chính công bố lộ trình IFRS, những giới hạn này dần được nới khi các thông tư hướng dẫn cho phép doanh nghiệp trình

bày số liệu IFRS song song với VAS, mở thêm không gian cho thông tin phù hợp.

*Thứ hai*, mức phát triển thị trường vốn và yêu cầu minh bạch của nhà đầu tư tạo áp lực đối lập. Sự gia nhập ngày càng sâu của vốn ngoại, đặc biệt từ các quỹ đầu tư khu vực và toàn cầu, làm tăng nhu cầu về thông tin định giá kịp thời, thúc đẩy việc rút ngắn thời gian công bố và mở rộng thuyết minh. Khả năng so sánh quốc tế trở thành lợi thế cạnh tranh, buộc doanh nghiệp niêm yết phải tiến dần về phía tính phù hợp nếu muốn tiếp cận chi phí vốn thấp hơn.

*Thứ ba*, cơ cấu sở hữu và quản trị công ty là lớp điều chỉnh vi mô. Doanh nghiệp có tỷ lệ sở hữu nhà nước cao và đòn bẩy tài chính lớn thường ưu tiên bảo vệ an toàn, do đó duy trì mức dự phòng cao và ghi nhận doanh thu thận trọng. Ngược lại, doanh nghiệp tư nhân hoặc có cổ đông nước ngoài chi phối thể hiện xu hướng công bố thông tin sớm và chi tiết hơn để chứng minh năng lực sinh lợi. Mô hình quản trị hiện đại với ban kiểm toán độc lập và ủy ban rủi ro càng làm tăng trọng số cho tính phù hợp.

*Thứ tư*, chất lượng kiểm toán và năng lực hạ tầng công nghệ thông tin đóng vai trò gia tốc. Kiểm toán Big 4 và các hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) tiên tiến hỗ trợ ghi nhận theo giá trị hợp lý, ước tính tổn thất tín dụng kỳ vọng, từ đó giảm độ trễ thông tin. Ngược lại, doanh nghiệp chưa đầu tư hệ thống hoặc sử dụng phần mềm kế toán cũ phải bám vào quy tắc thận trọng truyền thống để tránh sai sót.

Cuối cùng, văn hóa báo cáo và kỳ vọng xã hội định hình thái độ của nhà quản trị đối với rủi ro. Trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi, tâm lý “an toàn trước tiên” vẫn phổ biến, dẫn đến khuynh hướng giữ biên an toàn cao hơn mức chuẩn mực quốc tế. Song, thế hệ lãnh đạo trẻ hơn, đặc biệt ở các công ty công nghệ và dịch vụ, đang dịch chuyển sang mô hình báo cáo cởi mở nhằm thu hút nguồn vốn mạo hiểm.

Nhìn tổng thể, điểm cân bằng hiện tại của Việt Nam là kết quả của sự giằng co giữa yêu cầu kiểm soát vĩ mô, chi phí kiện tụng thấp nhưng rủi ro uy tín cao và kỳ vọng nâng cao tính minh bạch để hội nhập. Trong giai đoạn sau 2025, xu hướng hội nhập IFRS, chuyển đổi số và yêu cầu vốn quốc tế được dự báo sẽ tiếp tục kéo trục cân bằng dịch dần sang phía tính phù hợp, nhưng quá trình này chỉ bền vững nếu kết hợp hài hòa với khung pháp lý, văn hóa báo cáo và năng lực kiểm toán nội địa. Các yếu tố nêu trên vì thế không chỉ là biến số quan sát, mà còn là đòn bẩy chính sách giúp định hướng tốc độ và mức độ dịch chuyển của hệ thống kế toán Việt Nam tới điểm cân bằng mới.

#### **4. Cân bằng Thận trọng - Phù hợp hiện tại của Việt Nam - bằng chứng thực nghiệm**

Quan sát thực tiễn gần đây cho thấy hệ thống kế toán Việt Nam vẫn nghiêng rõ về phía thận trọng, mặc dù đã xuất hiện dấu hiệu cải thiện tính phù hợp thông tin nhờ lộ trình hội nhập IFRS. Nơi các công ty được kiểm toán bởi các hãng quốc tế lớn và trong những ngành có nhu cầu vốn nước ngoài cao, việc ghi nhận theo giá trị hợp lý và mở rộng thuyết minh đã được đẩy mạnh, giúp thông tin trở nên kịp thời và dễ so sánh hơn. Tuy vậy, phần đông doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm vừa, nhỏ và có tỷ lệ sở hữu nhà nước đáng kể, vẫn giữ thói quen trích lập dự phòng ở mức cao và trì hoãn ghi nhận doanh thu cho tới khi rủi ro thu hồi gần như được loại bỏ.

Những kết quả phỏng vấn kế toán trưởng cho thấy lo ngại lớn nhất vẫn xoay quanh Kiểm toán nhà nước, nghĩa vụ thuế và tính ổn định vĩ mô. Thận trọng trở thành “vùng đệm an toàn” giúp họ tránh nguy cơ bị điều chỉnh hay phạt hành chính. Ngược lại, các chuyên viên phân tích và nhà đầu tư tổ chức cho rằng thông tin hiện tại còn thiếu độ sâu định giá, khiến họ phải dựa nhiều vào nguồn phi chính thức hoặc định giá thận trọng hơn, dẫn tới chi phí vốn cao hơn mong muốn.

Khoảng cách nhận thức giữa người lập báo cáo và người sử dụng phản ánh một điểm cân bằng



đang lệch về phía bảo thủ. Mặc dù quá trình thử nghiệm chuẩn mực IFRS về doanh thu, cho thuê và tổn thất tín dụng đã khuyến khích minh bạch hơn, mức thay đổi mới chủ yếu mang tính điểm sáng chứ chưa lan tỏa rộng. Nhìn chung, hệ thống kế toán Việt Nam vẫn cần tiếp tục giảm bớt tính thận trọng thái quá - đặc biệt ở các chuẩn mực liên quan tới dự phòng và giá trị hợp lý - đồng thời củng cố năng lực kiểm toán và công bố thuyết minh, để tiến gần hơn tới trạng thái mà tính thận trọng và tính phù hợp hỗ trợ lẫn nhau và cùng nâng cao chất lượng thông tin tài chính.

### **5. Điểm cân bằng Thận trọng - Phù hợp mới sau IFRS**

Khi IFRS trở thành khuôn khổ được áp dụng sau năm 2025, hệ thống kế toán Việt Nam được kỳ vọng dịch chuyển khỏi trạng thái bảo thủ thái quá để tiến tới một điểm cân bằng mới, nơi tính thận trọng vẫn duy trì vai trò bảo vệ nhưng không còn làm suy giảm khả năng cung cấp thông tin phù hợp. Điểm cân bằng này không phải là một con số

cố định mà là một giới hạn linh hoạt - đủ cân trọng để bảo vệ lợi ích các bên liên quan, song đồng thời phản ánh trung thực và kịp thời giá trị kinh tế, giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý hơn.

Trước tiên, sự thay đổi sẽ bắt đầu từ khung pháp lý. Việc ban hành Bộ Chuẩn mực Báo cáo tài chính Việt Nam (VFRS) song ngữ, bám sát IFRS nhưng vẫn cho phép một lộ trình áp dụng hợp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, sẽ tạo nền tảng để điều chỉnh nguyên tắc thận trọng truyền thống sang khái niệm prudence trung lập. Cùng lúc, chính sách thuế cần tách bạch hoàn toàn mục đích quản lý thuế và mục đích lập báo cáo tài chính, nhằm tránh áp lực kép khiến doanh nghiệp duy trì mức dự phòng cao hơn mức cần thiết.

Song song với hành lang pháp lý, chất lượng kiểm toán và giám sát thị trường phải nâng lên. Các ủy ban kiểm toán độc lập và các đợt kiểm tra chuyên đề của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc trình bày giá trị hợp lý, tổn thất tín dụng kỳ

vọng sẽ buộc doanh nghiệp tuân thủ chuẩn mực mới một cách thực chất thay vì hình thức. Kiểm toán viên, đặc biệt là khối Big 4 và các công ty nội địa đủ năng lực, đóng vai trò chuyên gia tri thức về các kỹ thuật ước tính hiện đại, qua đó làm giảm sự e dè trong việc ghi nhận kịp thời các thay đổi giá trị.

Ở cấp doanh nghiệp, việc đầu tư hệ thống ERP có khả năng chạy song song VAS và IFRS không chỉ giúp tự động hóa quy trình kế toán mà còn nâng cao độ tin cậy của dữ liệu, rút ngắn thời gian lập báo cáo. Khi thông tin trở nên sẵn có và có thể kiểm chứng, ban điều hành sẽ tự tin hơn trong việc công bố kịp thời, thu hẹp khoảng cách hiện nay giữa thực tế kinh doanh và con số trên báo cáo.

Một yếu tố không thể bỏ qua là năng lực phân tích của nhà đầu tư và tổ chức tài chính. Các chương trình đào tạo IFRS cho giới phân tích, kết hợp với việc sớm áp dụng chuẩn báo cáo bền vững theo định hướng ISSB, sẽ giúp thị trường đánh giá đầy đủ hơn giá trị doanh nghiệp, từ đó phản hồi kịp thời và khuyến khích doanh nghiệp duy trì mức thận trọng hợp lý nhưng không quá mức cần thiết.

Cuối cùng, văn hóa báo cáo cởi mở cần được khơi thông. Khi ban lãnh đạo nhận thấy lợi ích của việc công bố kịp thời - cụ thể là khả năng tiếp cận nhà đầu tư nước ngoài, giảm biên độ chiết khấu rủi ro - họ sẽ chủ động dịch chuyển khỏi lối mòn “ghi nhận muộn để an toàn”. Sự thay đổi tư duy này, cùng với hạ tầng pháp lý và kỹ thuật, sẽ hợp lực định hình điểm cân bằng mới: thận trọng ở mức bảo vệ, nhưng minh bạch ở mức đáp ứng nhu cầu thông tin của thị trường toàn cầu.

Như vậy, lộ trình IFRS không chỉ là một yêu cầu tuân thủ, mà là cơ hội tái cấu trúc cán cân Thận trọng - Phù hợp. Nếu tận dụng đúng mức, Việt Nam có thể đạt tới một trạng thái kế toán nơi tính thận trọng và tính phù hợp bổ trợ lẫn nhau, nâng cao chất lượng thông tin, giảm chi phí vốn và thúc đẩy phát triển thị trường tài chính bền vững.

## 6. Kết luận

Nghiên cứu này tập trung phân tích trực quan hệ giữa tính thận trọng và tính phù hợp - hai đặc tính cốt lõi định hình chất lượng thông tin kế toán - trong bối cảnh Việt Nam bước vào giai đoạn bắt buộc áp dụng IFRS. Bằng việc tổng hợp cơ sở lý thuyết, nhận diện các yếu tố chi phối và đối chiếu với bằng chứng thực nghiệm, bài báo cho thấy hệ thống kế toán Việt Nam hiện vẫn lệch về phía bảo thủ, chủ yếu do đặc thù pháp lý, cơ chế quản lý vĩ mô và cấu trúc thị trường vốn. Lộ trình IFRS mở ra cơ hội dịch chuyển tới một điểm cân bằng mới, nơi thận trọng và phù hợp được dung hòa, vừa bảo vệ nhà đầu tư vừa nâng cao khả năng phản ánh giá trị kinh tế kịp thời.

Đóng góp lớn nhất của nghiên cứu nằm ở việc thiết lập một khung phân tích ba tầng - pháp lý, thị trường và doanh nghiệp - để đánh giá trạng thái “cân bằng hay lệch”, từ đó đề xuất lộ trình chính sách và hành động cụ thể nhằm đạt cân bằng tối ưu sau 2025. Trên phương diện học thuật, bài báo mở rộng thảo luận về prudence trung lập trong Khung Khái niệm IFRS, gắn kết với bối cảnh chuyển đổi của nền kinh tế đang phát triển theo mô hình code law. Về thực tiễn, các khuyến nghị về tách bạch mục đích thuế - kế toán, nâng cấp ERP, chuẩn hóa kiểm toán và chương trình đào tạo IFRS cho giới phân tích góp phần giảm chi phí vốn và gia tăng niềm tin thị trường.

Bài báo đồng thời gợi ý hướng nghiên cứu tiếp nối, bao gồm việc đo lường động thái cân bằng bằng dữ liệu sau mốc bắt buộc IFRS, khảo sát tác động của báo cáo bền vững theo ISSB tới tính phù hợp thông tin, và xem xét mức độ lan tỏa của văn hóa báo cáo cởi mở. Những nỗ lực này không chỉ giúp cộng đồng khoa học kiểm nghiệm giả thuyết về điểm cân bằng động mà còn hỗ trợ nhà hoạch định chính sách trong việc tinh chỉnh khung chuẩn mực, hướng tới một hệ thống kế toán hiện đại, minh bạch và phù hợp với chuẩn mực quốc tế. □

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ball, R., & Shivakumar, L. (2005). Earnings quality in UK private firms: Comparative loss recognition timeliness. *Journal of Accounting and Economics*, 39(1), 83–128;
2. Barth, M. E., Beaver, W. H., & Landsman, W. R. (2001). The relevance of the value relevance literature for financial accounting standard setting: Another view. *Journal of Accounting and Economics*, 31(1-3), 77–104;
3. Basu, S. (1997). The conservatism principle and the asymmetric timeliness of earnings. *Journal of Accounting and Economics*, 24(1), 3–37;
4. Gassen, J., & Schwedler, K. (2010). The economic consequences of tightening accounting standards to restrict earnings management. *The Accounting Review*, 85(4), 1385–1414;
5. Khan, M., & Watts, R. L. (2009). Estimation and empirical properties of a firm-year measure of accounting conservatism. *Journal of Accounting and Economics*, 48(2-3), 132–150;
6. Lambert, R. (2001). Contracting theory and accounting. *Journal of Accounting and Economics*, 32(1-3), 3–87;
7. Lê, H. T., & Võ, M. T. (2021). Đánh giá giá trị hữu dụng của báo cáo tài chính theo IFRS: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam. *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán*, (12), 45–53;
8. Nguyễn, T. L. (2022). Ảnh hưởng của đặc điểm sở hữu đến tính thận trọng kế toán: Trường hợp doanh nghiệp niêm yết Việt Nam. *Tạp chí Tài chính doanh nghiệp*, (8), 23–34;
9. Trần, V. T., & cộng sự (2023). Phân tích sự khác biệt về conservatism trước và sau giai đoạn tự nguyện áp dụng IFRS: Bằng chứng từ Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Kế toán*, (10), 67–82;
10. Watts, R. L. (2003). Conservatism in accounting Part I: Explanations and implications. *Accounting Horizons*, 17(3), 207–221;
11. IFRS Foundation. (2018). *Conceptual Framework for Financial Reporting*. London: IASB;
12. Bộ Tài chính Việt Nam. (2020). Quyết định 345/QĐ-BTC phê duyệt Đề án áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế tại Việt Nam;
13. Bộ Tài chính Việt Nam. (2014). Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
14. Heliyon. (2022). Barriers and drivers of IFRS adoption: Evidence from emerging markets;
15. Deloitte Vietnam. (2023). *Preparing for IFRS 9, 15 & 16: Insights for Vietnamese businesses*;
16. KPMG Vietnam. (2023). *Fair-value measurement challenges in Vietnam: A practitioner’s guide*;
17. PortCities Vietnam. (2022). *Vietnam’s capital market readiness for IFRS convergence*;
18. ScienceDirect. (2014). *IFRS adoption and its impact on financial reporting quality: A meta-analysis*;
19. International Sustainability Standards Board (ISSB). (2023). *General Requirements for Disclosure of Sustainability-related Financial Information*;
20. Watts, R. L., & Zimmerman, J. L. (1986). *Positive accounting theory*. Prentice-Hall;
21. Wu, J.-S., & Zhang, I. X. (2009). Rising expectations: Effects of IFRS adoption on accounting quality in emerging markets. *Journal of Accounting and Public Policy*, 28(6), 395–410.